

Chính sách đổi mới kinh tế của chính phủ được nhân dân thừa nhận là tiến bộ thông qua trước hết là việc chặn đứng được sự leo thang của giá cả vào những năm cuối thập niên 80. Nhiều người dân còn nhớ nếu tai họa của loạn tín dụng mà họ phải gánh chịu do những biện pháp ấu trĩ của chính quyền đưa ra trong thời kỳ đầu của cuộc cải cách kinh tế nhằm chống lại sự phi mã của lạm phát. Lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng, khủng hoảng là thuộc tính của nền kinh tế thị trường. Để điều trị những căn bệnh trầm kha qua các chu kỳ phát triển, Adam Smith đã để cho "bàn tay vô hình" giữa cung và cầu hàng hóa dịch vụ trên thị trường tự điều tiết lấy và chính sách thả nổi cho thị trường tồn tại rất lâu ở các nước Âu Tây. Tuy nhiên sau cuộc khủng hoảng toàn diện 1929 - 1933, sự can thiệp của chính quyền vào nền kinh tế được xem xét và thực hiện một cách nghiêm túc bắt đầu từ lý thuyết kinh

tế của Keynes vào nửa cuối thập niên 30. Từ đó trên thực tế đã không còn một nền kinh tế thị trường thuần túy, mà sự can thiệp của chính quyền là một lẽ đương nhiên, chỉ khác nhau ở chỗ các biện pháp và cách thức can thiệp mà thôi.

Từ một nền kinh tế tập trung và chưa phát triển, Việt Nam chuyển đổi sang kinh tế thị trường, mà thử thách đầu tiên phải đương đầu là lạm phát. Lạm phát như là thước đo mức độ đúng sai của các biện pháp cải cách và đo lường lòng tin của dân chúng vào chính quyền trong xây dựng và phát triển kinh tế. Vì chính mức độ lạm phát ít hay nhiều và khả năng kiểm chế lạm phát đến đâu ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày của người dân. Rõ ràng ở nước ta, trong bối cảnh đổi mới kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đảng, vấn đề lạm phát không những là một tiêu thức kinh tế mà còn kiến mang ý nghĩa chính trị nữa.

Công cuộc cải cách bắt đầu từ năm 1986 với 3 chương trình kinh tế bao gồm sản xuất hàng lương thực, xuất khẩu và hàng tiêu dùng. Lạm phát năm đó đang ở mức 487%. Năm 1987, Luật đầu tư nước ngoài được thông qua và 1988 Hội đồng bộ trưởng có chỉ thị áp dụng Luật đầu tư nước ngoài tại VN. Hai năm này mức lạm phát đang ở đỉnh cao 400% và 492%, kỷ lục chưa từng thấy trong thập niên vừa qua. Năm 1990 viện trợ từ các nước Đông Âu cho VN giảm sút mạnh mẽ, các điều khoản ưu đãi về tín dụng, mua bán, đầu tư bị hủy bỏ.

Cùng với những cải cách kinh tế bên trong, Đảng và nhà nước ta đã tăng cường các hoạt động đối ngoại, mở cửa ra bên ngoài để tăng cường tiềm lực nhằm thúc đẩy những tiến bộ kinh tế xã hội của đất nước.

Tháng 4. 1991 lần đầu tiên sau khi kết thúc chiến tranh, chính phủ Mỹ đề nghị viện trợ nhân đạo cho VN 1 triệu USD. Tháng 12.1991 Singapore xóa bỏ cấm vận đối với VN và

	1984	1985	1986	1987	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995 (dự kiến)
Mức độ lạm phát năm %	65	92	487	400	492	40	60	67	17	5	14	15
Mức tăng GDP %							5,0	5,8	8,4	8,1	8,8	9,1

CẢI CÁCH KINH TẾ VÀ LẠM PHÁT Ở NƯỚC TA

PTS. HỒ NGỌC PHƯƠNG



14 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

thiết lập đường bay trực tiếp giữa hai nước. Tháng 4.1992 Quốc hội thông qua hiến pháp mới thay cho hiến pháp năm 1980. Cũng trong tháng này chính phủ Mỹ nổi lòng căm hận vận buôn bán với VN. Tháng 7 VN trở thành quan sát viên ASEAN. Tháng 11.1992 Nhật Bản nối lại viện trợ ODA cho VN. Tháng 2.1993 Tổng thống Pháp Francois Mitterand thăm VN, lần đầu tiên một thủ lĩnh cường quốc phương Tây đến thăm VN trong khi Mỹ chưa bỏ lệnh cấm vận. Tháng 7.1993 chính phủ Mỹ tuyên bố hủy bỏ việc chống đối VN vay tiền của các định chế tài chính quốc tế. Ngày 15.7.1993 IMF nối lại quan hệ với VN, ngày 28.7.93 ADB nối lại việc cho VN vay tiền sau 18 năm cấm vận. Ngày 4.2.94 chính phủ Mỹ xóa lệnh cấm vận VN. Tháng 7.1995 VN gia nhập ASEAN.

Sự thay đổi các chính sách về thành phần kinh tế, giá cả, đầu tư, tiền tệ, xuất nhập khẩu, việc ban hành các bộ luật mới làm nền tảng pháp lý cho hoạt động kinh tế thị trường ở trong nước cùng với những tháo gỡ ách tắc các quan hệ bên ngoài đã cứu nền kinh tế của nước ta khỏi sự sụp đổ toàn diện khi mà các nguồn viện trợ từ Liên Xô và Đông Âu cũ chấm dứt, thị trường ở đó bị đóng cửa. Lạm phát từ mức gần 500% năm 1988 kéo xuống 40% năm 1989, 60% năm 1990, 67% năm 1991, 17% năm 1992, 5% năm 1993 và 14% năm 1994. GDP tăng liên tục hàng năm trong suốt 5 năm qua, từ 5% năm 1990, 5,8% năm 1991, 8,4% năm 1992, 8,1% năm 1993, 8,8% năm 1994 và ước tính năm 1995 tăng trên 9%.

Năm 1995 có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với nền kinh tế nước nhà. Đó là năm kết thúc một giai đoạn kế hoạch mảy mòi tìm kiếm con đường đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng và đi lên, là thời điểm để ta nhìn lại 10 năm đổi mới với những thất bại và thành công để suy ngẫm và tính toán thời gian sắp tới.

Theo các số liệu của Tổng cục thống kê, 6 tháng đầu năm 95 sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên đà phát triển. Cả nước đạt được một vụ đông xuân bội thu, đặc biệt là các tỉnh phía Nam, ước tính đạt 12,7 triệu tấn lương thực quy thóc, cao hơn năm ngoài 90 vạn tấn. Sản xuất công nghiệp tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 13,1%, ngoài quốc doanh tăng 14,2%. Trên thị trường, hàng hóa dồi dào phong phú bày bán khắp nơi. Xuất khẩu ước tính 2.200 triệu USD, tăng 35,4%, nhập khẩu ước tính 2.270 triệu USD tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 1994. Tổng số vốn tăng thêm do đầu tư trực tiếp của nước ngoài 3.522 triệu USD, gấp 3 lần so

với cùng kỳ năm 1994. GDP tăng 8,8% so với 6 tháng đầu năm 1994. Cùng với những tiến bộ đạt được, những thách thức mới xuất hiện trong thời gian qua. Nguyên cơ của lạm phát vẫn đang âm ỉ, thông thường giá cả hàng hóa tăng mạnh trong tháng 1 và 2 vì liên quan đến ngày tết cổ truyền của dân tộc, mức tiêu dùng tăng cao hơn thường ngày. Qua tháng 3 thì sức mua giảm sút.

Tuy vậy, trong năm nay hầu như giá đã liên tục tăng trong 6 tháng đầu năm, qua đến tháng 7 mới đứng yên và tháng 8 thì tăng một ít. Tháng 1 giá tăng 3,8%, tháng 2 - 3,4%, tháng 3 - 0,2%, tháng 4 - 1%, tháng 5 - 1,8%, tháng 6 - 0,8%, tháng 7 - 0%, tháng 8 - 0,3%. Nếu tính 6 tháng đầu năm 1993 giá tăng 4%, năm 1994 tăng 7% thì năm 1995 tăng lên 11%. Như vậy là đã vượt quá mục tiêu kiềm chế lạm phát 10% trong năm nay. Việc tăng giá trong thời gian qua chủ yếu là tăng giá lương thực, thực phẩm và cơ sở xi măng. Giá lương thực thực phẩm tăng 19,3% trong 6 tháng đầu so với tháng 12.1994 trong đó giá lương thực tăng 16,3% và thực phẩm tăng 20,9%. Việc tăng giá này bị ảnh hưởng bởi việc tăng giá trên thị trường quốc tế, đồng thời cũng là nhu cầu tự thân của ngành hàng này khi so sánh với chỉ số giá cả của các ngành hàng khác như dịch vụ, công nghiệp đã tăng lên hơn nhiều.

Việc này ảnh hưởng xấu đối với tầng lớp dân cư có thu nhập thấp trong xã hội, tuy nhiên, nếu phần thặng dư do giá tăng này không rơi hết vào tay các thương nhân mua bán lương thực, thực phẩm thì cũng là động lực thúc đẩy nông dân gia tăng sản xuất và nâng cao mức sống của họ. Còn cơ sở xi măng thì đã rõ nguyên nhân không phải là mất cân

đối cung cầu, mà do điều hành vĩ mô tạo nên.

Tổng thu ngân sách trong 6 tháng đầu năm thấp chỉ đạt 39% kế hoạch cả năm và dẫn đến việc chi ngân sách cũng chỉ đạt 40,5%, trong đó chủ yếu chi cho đầu tư xây dựng cơ bản mới đạt 34% kế hoạch cả năm. Mối liên hệ giữa tăng trưởng và lạm phát được các nhà làm chính sách luôn luôn để ý. Thật vậy, một số ý kiến cho rằng chúng ta phải đi theo con đường tăng trưởng nhanh và lạm phát thấp, một số khác cho rằng muốn tăng trưởng nhanh thì phải gánh chịu một tỷ lệ lạm phát có thể chấp nhận được và một số nữa cho rằng cần kiềm chế lạm phát và giảm bớt tốc độ tăng trưởng.

Loại ý kiến thứ nhất thật là lý tưởng nhưng có lẽ khó xảy ra trên thực tế vì tăng trưởng nhanh đòi hỏi đầu tư lớn, thu nhập của dân cư tăng và giá cả hàng hóa dịch vụ sẽ tăng lên theo là điều tất yếu. Trong 5 năm gần đây, mức tăng trưởng của nền kinh tế bình quân 6 - 8% và lạm phát thay đổi bấp bênh với mức cao nhất 67% năm 1991 và thấp nhất 5% năm 1993. Với một khoảng thời gian ngắn ấy, chưa đủ độ dài cần thiết để có thể xác định xem với mức tăng trưởng 8 - 10% năm thì mức lạm phát có thể chấp nhận được là bao nhiêu. Rõ ràng là mức 5% của năm 1993 không thể lấy làm chuẩn mực, phản ánh thực trạng kinh tế của nước ta được. Có lẽ hơi sớm để cho rằng cần hạn chế tốc độ tăng trưởng để kiềm chế lạm phát đối với nền kinh tế đang chuyển đổi của ta trong giai đoạn này. Các nhà làm chính sách sẽ chú trọng đến tăng trưởng nhiều hơn khi mà các nhu cầu về đầu tư, công ăn việc làm, mở rộng xuất nhập khẩu, mở rộng sản xuất, dịch vụ đang phát triển. Các nhà làm chính sách sẽ thiên về việc kiềm chế lạm phát khi đã duy trì được tốc độ tăng trưởng 11% - 12% liên tục trong vài thập niên và đẩy lạm phát tăng cao đến 25 - 30%. Một vài ước tính cho thấy rằng muốn nền kinh tế nước ta có mức tăng trưởng 9 - 11% trong 5 năm tới thì mức lạm phát có thể chấp nhận được là 11% - 16%. Vấn đề ở chỗ là phải kiểm soát được những cơn sốt giá giả tạo đối với từng ngành hàng và theo từng thời kỳ nhất định cả bằng những biện pháp hành chính lẫn kinh tế.

VN là nước đầu tiên đã tự "cắt cánh" được mà không nhờ vào sự giúp đỡ của phương Tây như một nhà kinh tế ngoại quốc đã nhận xét. Tuy nhiên, chớ nên quên rằng GDP đầu người của ta vẫn đang nằm ở khu vực đáy của thế giới, và những thành tựu vừa qua chỉ là những bước đầu tiên trên chặng đường dài chạy đua thủ thách với các dân tộc khác mà thôi.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 15

